TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68 /2017/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 27 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Từ Thị Khánh T1, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 3, thôn G, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Mai Văn T2, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 3, thôn G, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị X, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Tổ 3, thôn G, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Từ Thị Khánh T1 và ông Mai Văn T2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Từ Thị Khánh T1 và ông Mai Văn T2.

b) Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là Mai Văn Hữu H, sinh ngày 10/3/2013. Ly hôn, giao con Mai Văn Hữu H cho bà Từ Thị Khánh T1 nuôi dưỡng, ông Mai Văn T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 15/11/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích

của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

c) Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d) Về quan hệ nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

đ) Án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, bà T1 và ông T2 mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: ông T2 phải chịu 150.000 đồng. Bà T1 tự nguyện chịu thay toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T2 (đã nộp xong tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 6037 ngày 25/9/2017).

Hoàn trả cho bà Từ Thị Khánh T1 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo biên lai thu số 6036 ngày 25/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG